TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HS-ST
Ngày 20/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Trung;
Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1969 tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi cư trú: Không có nơi thường trú; nơi ở trọ: Số nhà B, đường H, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); bị cáo 01 người con tên Nguyễn Ngọc L1, sinh năm: 1992; HKTT: Tổ C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tiền án: Ngày 30/11/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 27/11/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 155 BLHS tại Bản án số 1897/HSST.

- Ngày 17/01/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 BLHS tại Bản án số 04/HSST.

- Ngày 07/4/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 1 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 BLHS tại Bản án số 38/HSST.

- Ngày 04/3/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

tuyên phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 BLHS tại Bản án số 06/HSST.

- Ngày 28/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 BLHS tại Bản án số 24/HSST.

- Ngày 04/9/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 BLHS tại Bản án số 35/HSST.

- Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 BLHS tại Bàn án số 84/HSST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/5/1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Số C, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nơi ở trọ: Số nhà B, đường H, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; số CCCD: 074072009984, cấp ngày 21/11/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (chết) và bà Hứa Thị X (chết); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 15/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù tại Bản án số 80/2008/HSST.

- Ngày 07/4/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 tháng tù tại bản án số 42/2010/HSST, đã chấp hành xong phần hình phạt và phần dân sự (BL148, 151).

- Ngày 22/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù tại Bản án số 05/2011/HSST, đã chấp hành xong phần hình phạt và phần dân sự (BL147, 150).

- Ngày 21/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm 06 tháng tù tại Bản án số 19/2013/HSST, đã chấp hành xong (BL145).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số nhà C, đường A, tổ A, ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trịnh Ngọc C, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số nhà C, đường A, tổ

A, ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số nhà A, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 31/12/2024, Nguyễn Thị Ngọc M bàn bạc cùng Nguyễn Văn T đi lên địa bàn huyện P, tỉnh Bình Dương tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản thì T đồng ý.

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 31/12/2024, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số: 61T2-3978 chở M đi từ phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến địa bàn huyện P. Đến khoảng 14 giờ 20 phút, M và T đi tới ngã tư B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Tại đây, M nói với T dừng xe mô tô lại để M đi vào bên trong chợ P tìm lấy tài sản thì T đồng ý. Tại chợ P, Mai lục tìm và phát hiện một chiếc bóp bỏ trong túi để trong một thùng giấy tại sạp bán rau của bà Lê Thị Thúy H. M bỏ chiếc bóp vào túi quần rồi đi ra chỗ T đang chờ. T chở M về hướng C thì T dừng xe lại. M mở bóp ra, lấy tiền rồi vứt bóp vào đám cỏ ở gần đó. Sau đó, M và T về nhà trọ ở 220/37/9 đường H, khu phố G, phường P, T, Bình Dương. M lấy tiền ra đếm được 15.200.000 đồng. M đưa hết số tiền cho T giữ và sử dụng. Đến 20 giờ ngày 04/01/2025, M và T đến đầu thú tại Công an xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Quá trình điều tra, M và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngoài ra, M còn khai nhận vào ngày 11/07/2024, tại chợ T2 thuộc ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, M cùng T đã lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 1.500.000 đồng. Ngày 27/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Bình Dương đã chuyển hồ sơ vụ việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ:

- 01 (một) chiếc túi màu nâu có hai ngăn; 01 (một) căn cước công dân tên Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô tên Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BS: 61F1-496.40 mang tên Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BS: 61C-094.21 mang tên Trịnh Ngọc C; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BS: 53SB-3402 (giấy đăng ký xe của Trịnh Ngọc C); 03 (ba) cuốn sổ tiết kiệm mang tên Lê Thị Thúy H và 15.200.000 đồng.

- 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương số IMEII: 8671240 46426292; số IMEI2: 8671240 46426284.

- (01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen số IMEII: 863126068519536; số IMEI2: 863126068519528.

- 01 (một) chiếc xe mô tô Yamaha biển số: 61T2-3978, số máy 5VT224080, số khung: VYAJ5VT23YA 024080, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do Nguyễn Thành T1 đứng tên.

Cáo trạng số 25/CT-VKSPG ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) chiếc túi màu nâu có hai ngăn; 01 (một) căn cước công dân Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BS: 61F1-496.40 mang tên Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BS: 61C-094.21 mang tên Trịnh Ngọc C; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BS: 53SB-3402 (giấy đăng ký xe của Trịnh Ngọc C); 03 (ba) cuốn sổ tiết kiệm mang tên Lê Thị Thúy H và 15.200.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản này cho bà H (BL76).

+ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương số IMEII: 8671240 46426292; số IMEI2: 8671240 46426284, đây là tài sản của Nguyễn Văn T nên đề nghị trả lại cho Nguyễn Văn T.

+ (01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen số IMEII: 863126068519536; số IMEI2: 863126068519528, đây là tài sản của Nguyễn Thị Ngọc M nên đề nghị trả lại cho Nguyễn Thị Ngọc M.

+ 01(một) chiếc xe mô tô Yamaha biển số: 61T2-3978, số máy 5VT224080, số khung: VYAJ5VT23YA 024080, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do Nguyễn Thành T1 đứng tên. Ông T1 bán cho một thanh niên không rõ lai lịch. Ông T1 không có yêu cầu gì đối với xe mô tô này. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có ai nhận. Xe mô tô biển số 61T2-3978 là phương tiện do M và T sử dụng phục vụ cho việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo đồng ý với vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo về mức hình phạt, tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và biện pháp tư pháp.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại Lê Thị Thúy H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc C, ông Nguyễn Thành T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 31/12/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số: 61T2-3978 chở bị cáo M đến ngã tư B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương, mục đích để trộm cắp tài sản. Tại đây, bị cáo T dừng xe mô tô chờ bên ngoài còn bị cáo M đi vào bên trong chợ P tìm lấy tài sản, M lục tìm và phát hiện một chiếc bóp bỏ trong túi để trong một thùng giấy tại sạp bán rau của bà Lê Thị Thúy H. M bỏ chiếc bóp vào túi quần rồi đi ra chỗ T đang chờ. T chở M về hướng C thì T dừng xe lại. M mở bóp ra, lấy tiền rồi vứt bóp vào đám cỏ ở gần đó. Sau đó, M và T về nhà trọ ở số B, đường H, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. M lấy tiền ra đếm được 15.200.000 đồng. M đưa hết số tiền cho T giữ. Đến 20 giờ ngày 04/01/2025, M và T ra đầu thú tại Công an xã P. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi lén lút chiếm

đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Số tiền các bị cáo lén lút chiếm đoạt là 15.200.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo M và T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[6] Do đó, Cáo trạng số 25/CT-VKSPG ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Tội phạm do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đã nhiều lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành án xong lẽ ra các bị cáo phải sửa chữa lỗi lầm, sống có ích nhưng các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo, nêu gương và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo như sau:

[7.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích nay lại phạm tội với lỗi cố ý là thuộc trường hợp tái phạm quy định tại Điều 53 của Bộ luật Hình sự và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7.3] Về vai trò của từng bị cáo: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M đóng vai trò vừa là người đề xuất vừa là người thực hành; bị cáo Nguyễn Văn T đóng vai trò là người thực hành. Hội đồng xét xử xem xét vai trò của từng bị cáo khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T bồi thường.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc túi màu nâu có hai ngăn; 01 (một) căn cước công dân tên Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô tên Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BS: 61F1-496.40 tên Lê Thị Thúy H; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BS: 61C-094.21 tên Trịnh Ngọc C; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BS: 53SB-3402 (giấy đăng ký xe của Trịnh Ngọc C); 03 (ba) cuốn sổ tiết kiệm tên Lê Thị Thúy H và 15.200.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại các tài sản này cho bị hại H. Bà H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh dương số IMEII: 8671240 46426292; số IMEI2: 8671240 46426284, đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen số IMEII: 863126068519536; số IMEI2: 863126068519528, đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo M.

- 01 (một) chiếc xe mô tô Yamaha biển số: 61T2-3978, số máy 5VT224080, số khung: VYAJ5VT23YA 024080, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do Nguyễn Thành T1 đứng tên. Ông T1 bán cho một thanh niên không rõ lai lịch. Ông T1 không có yêu cầu gì đối với xe mô tô này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có ai nhận. Xe mô tô biển số 61T2-3978 là phương tiện do M và T sử dụng phục vụ cho việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn

T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05/01/2025.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05/01/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại bà Lê Thị Thúy H không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T bồi thường.

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương số IMEII: 8671240 46426292; số IMEI2: 8671240 46426284.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen số IMEII: 863126068519536; số IMEI2: 863126068519528.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01(một) chiếc xe mô tô Yamaha biển số: 61T2-3978, số máy 5VT224080, số khung: VYAJ5VT23YA 024080, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do Nguyễn Thành T1 đứng tên (số I do Công an tỉnh B cấp ngày 14/01/2004).

(Thể hiện tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Lê Thanh Ân

- UBND nơi cư trú của bị cáo (để thay thông báo);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.